

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH VINH LONG
Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-07-2025

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Phan Kiên Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 31 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10/04/2025 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/05/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 18/06/2025 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 06/TB-HNGĐ, ngày 30/06/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1986 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/03/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Vào năm 2015, qua quen biết nên chị và anh Nguyễn Hoàng P tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng chỉ kéo dài đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với

nhau về những việc trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống không hạnh phúc, mỗi người sống một nơi. Do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 08/2023 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: Khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 08/12/2016 cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 20/05/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày:*

Vào năm 2015, qua quen biết nên anh và anh Nguyễn Hoàng P tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng chỉ kéo dài đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau về tài chính, về gia đình giữa mẹ chồng nàng dâu sống không hợp nhau. Sau khi vợ bỏ đi thì anh vẫn thường xuyên gặp và yêu cầu vợ về nhưng chị T nhất quyết không về, mỗi người sống một nơi. Do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, anh vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp ly hôn thì anh đồng ý nuôi cháu Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 08/12/2016 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/07/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:* Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến khác.

- *Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P vắng mặt nên không trình bày.*

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con*”; bị đơn anh Nguyễn Hoàng P cư trú tại

xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long*) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Hoàng P đến tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt mà không có bất cứ văn bản nào trình bày lý do vắng mặt; nguyên đơn chị Nguyễn Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Qua quen biết nên chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng P tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Phương T cho rằng nguyên nhân chị ly hôn là do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống không hạnh phúc. Do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 08/2023 cho đến nay mỗi người sống một nơi, mạnh ai nấy sống, chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

Xét thấy, chị T yêu cầu ly hôn, anh P không đồng ý, anh cho rằng còn thương vợ, mong muốn được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại vợ chồng chị T, anh P đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai biết ai làm gì, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai bên đều trình bày được các nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, nhưng chưa hàn gắn, đoàn tụ được, mỗi người sống một nơi, cho thấy vợ chồng không còn tiếng nói chung. Anh P muốn đoàn tụ, nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn gia đình, để chị T trở về chung sống với anh, hai bên không còn sống chung, không đoàn tụ được, nên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Việc chị T và anh P sống ly thân gần 02 năm, mỗi người một nơi là đã vi phạm khoản 1, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Như vậy cho thấy hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng P khai có con chung là Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 08/12/2016, chị T giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi chị T và anh P không còn chung sống với nhau thì con chung do anh P nuôi dưỡng cho đến nay. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Anh P là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên thỏa thuận được vấn đề nuôi con chung và cháu P1 cũng có nguyện vọng sống chung với anh P. Do đó để tránh việc thay đổi môi trường sống, môi trường tâm, sinh lý của cháu, nên ghi nhận là anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh P nuôi con phải có nghĩa vụ tạo điều kiện, không cản trở chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ của người mẹ là được thăm nom, chăm sóc con chung, nhằm giúp cho con chung của chị T và anh P được hỗ trợ về vật chất lẫn tinh thần giúp cháu phát triển, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng P khai chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng P khai không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

[2]. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng P là giao cháu Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 08/12/2016 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Chị Nguyễn Thị Phương T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng P khai chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng*: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng P khai không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp án phí là 300.000đ về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N_o 0002168 ngày 10/04/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Vĩnh Long*), nên chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- UBND xã Ngãi Tư, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo